

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUẢN TRỊ RỪNG NGẬP MẶN: NGHIÊN CỨU THÍ ĐIỂM TẠI VÙNG VEN BIỂN MIỀN BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Kim Cúc¹

Tóm tắt: Rừng ngập mặn (RNM) được biết đến như một hệ sinh thái có vai trò quan trọng về môi trường và kinh tế. Thực hiện quản trị tốt RNM là điều kiện cần thiết đảm bảo bảo tồn và phát huy chức năng và dịch vụ hệ sinh thái quan trọng này. Sự tham gia là cốt lõi trong công tác quản trị tài nguyên nói chung và RNM nói riêng. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá thực trạng tham gia của các bên liên quan trong quản trị RNM. Kết quả cho thấy nhóm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước được đánh giá là có tầm ảnh hưởng cao và nhóm này cũng được cho là quan tâm cao đến việc quản lý RNM ở các địa phương. Nhóm hỗ trợ phát triển RNM ở các địa phương được đánh giá có mức độ quan tâm từ trung bình thấp đến cao. Nhóm các đối tượng trực tiếp tham gia vào bảo vệ và sử dụng RNM được cho là có tầm ảnh hưởng cũng như mức độ quan tâm khá cao đến quản lý và phát triển RNM ở các địa phương.

Từ khóa: Rừng ngập mặn, quản trị, các bên liên quan, sự tham gia, biến đổi khí hậu.

1. MỞ ĐẦU

Nằm trong hệ sinh thái đất ngập nước ven biển, rừng ngập mặn (RNM) vùng ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam được biết đến với vai trò đặc biệt quan trọng như bảo vệ bờ biển; là mái nhà, vườn ươm của các loài hải sản từ đó đảm bảo an ninh lương thực và đem lại sinh kế cho cộng đồng dân cư ven biển; với môi trường, RNM được cho là nơi có chứa lượng blue carbon khổng lồ... Các dải rừng ngập mặn là những vành đai xanh bảo vệ đê bờ và cửa sông, hạn chế xói lở và tác hại của bão, sóng đối với hệ thống đê biển cũng như phát triển nguồn lợi thủy sản. Kết quả nghiên cứu tại Nhật Bản cho thấy, một khu RNM có chiều rộng 100m có thể làm giảm 50% chiều cao của sóng triều và giảm 50% năng lượng của sóng (Tú & Đồng, 2014, Cúc và cs., 2015). Các hoạt động bảo vệ và trồng rừng ngập mặn được coi là những giải pháp mềm làm giảm sự dễ bị tổn thương của cộng đồng ven biển trước những tác

động của biến đổi khí hậu (BĐKH) (Cúc, 2015; Đạt và cs, 2021).



Hình 1. Các thành phần và nguyên tắc của quản trị tốt (FAO, 2011)

Rừng ngập mặn ven biển vùng nghiên cứu thuộc 7 tỉnh ven biển phía Bắc và Bắc Trung bộ (từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh) phân bố không đồng đều. Rừng là nơi sinh sống của khá nhiều loài động thực vật thủy sinh có giá trị kinh tế

¹Trường Đại học Thủy lợi

cao. Cũng như các hệ sinh thái khác, RNM đem lại những dịch vụ giá trị nhiều mặt cho cộng đồng. Bên cạnh những giá trị kinh tế, văn hoá và bảo tồn đa dạng sinh học, RNM vùng nghiên cứu còn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của khu vực cũng như những địa bàn lân cận khi đây là vùng dễ bị tổn thương nhất do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Để đảm bảo các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn được phát huy hiệu quả, rất cần có những

hoạt động quản trị tốt. Sự tham gia là thành phần có tầm quan trọng cốt lõi trong công tác quản trị tài nguyên thiên nhiên vì qua đó những nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan khác nhau mới được tích hợp (FAO, 2011). Đã có nhiều chính sách liên quan đến quản lý rừng, đồng quản lý dựa vào cộng đồng, giao rừng v.v... nhưng những chính sách đó chưa có sự cụ thể cho rừng ngập mặn hoặc cần phải cải thiện nhiều để có thể áp dụng cho rừng ngập mặn.

Bảng 1. Một số định nghĩa về quản trị của các tổ chức quốc tế có liên quan

	Định nghĩa	Thành phần trong quản trị	Nguyên tắc quản trị tốt
Khung đánh giá quản trị rừng của FAO, 2011	Đạt được quản trị tốt dựa trên các mối quan hệ hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa chính phủ, khối tư nhân và xã hội dân sự	<ul style="list-style-type: none"> • Khung pháp lý, chính sách và thể chế • Quá trình lập kế hoạch và ra quyết định • Triển khai và thực thi 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự giải trình • Hiệu quả • Hiệu suất • Công bằng • Sự tham gia • Sự minh bạch
Khung đánh giá quản trị rừng của Viện tài nguyên thế giới (David et al, 2013)	Quản trị không chỉ có chính phủ vì các quyết định liên quan đến rừng còn chịu sự điều chỉnh bởi các bên khác (tư nhân, XHDS)	<ul style="list-style-type: none"> • Các bên liên quan • Các quy định, chính sách, luật lệ • Triển khai và thực thi 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự giải trình • Hiệu quả • Hiệu suất • Công bằng • Sự tham gia • Sự minh bạch
Quản trị phát triển bền vững nhân lực của UNDP, 1997	Quản trị có thể được xem như quá trình thực thi quyền lực về kinh tế, chính trị và hành chính để quản lý các công việc của một quốc gia ở các cấp	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh tế • Chính trị • Hành chính 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự tham gia • Các luật lệ • Sự minh bạch • Đáp ứng • Sự đồng thuận • Công bằng • Hiệu quả/Tối ưu • Trách nhiệm giải trình • Tầm nhìn chiến lược

Quản trị là một khái niệm rất rộng và chưa có một định nghĩa chung hay được chấp nhận rộng rãi (Bảng 1). Theo Chương trình Rừng của Tổ chức nông lương thế giới, quản trị được coi là “tốt” khi nó được đặc trưng bởi sự tham gia của các bên liên quan, sự minh bạch trong quá trình ra quyết định, sự giải trình trách nhiệm của các tác nhân liên quan và những người ra quyết định, quy định/luật lệ và khả năng dự đoán trước (Hình 1). Quản trị tốt còn liên quan đến

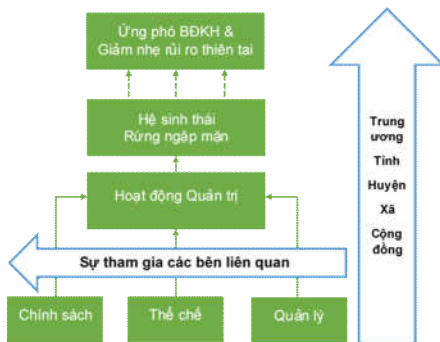
việc quản lý hiệu quả các nguồn lực thiên nhiên, con người và tài chính cũng như sự phân bổ công bằng nguồn lực và lợi ích (FAO, 2011).

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khung lý thuyết

Khung lý thuyết này cho rằng các can thiệp của con người thông qua các hoạt động quản trị tốt có thể làm tăng cường các chức năng và dịch vụ của hệ sinh thái rừng ngập mặn, từ đó góp phần nâng cao năng lực ứng phó BĐKH/Giảm

nhẹ rủi ro thiên tai. Từ mô hình này, thông qua 03 khía cạnh quan trọng trong quản trị, bao gồm chính sách, thể chế và quản lý, nghiên cứu sẽ tập trung xem xét đánh giá sự tham gia của các bên liên quan ở các cấp từ Trung ương xuống đến cộng đồng trong quá trình đưa ra các quyết định quản trị và thực thi các quyết định đó, xác định các thực hành tốt cũng như chưa tốt, từ đó đưa ra những đề xuất cải thiện và nhân rộng.



Hình 2. Sơ đồ minh họa khung lý thuyết của nghiên cứu (FAO, 2011; David et al., 2013)

Trong nghiên cứu này, khía cạnh quản lý sẽ được phân tích và đánh giá để xem xét sự tham gia của các bên liên quan trong quản trị rừng ngập mặn.

Việc thu thập thông tin, dữ liệu và phân tích để thực hiện nghiên cứu này chủ yếu dựa trên những phương pháp sau: i) hội thảo tham vấn với sự tham gia của các bên liên quan kết hợp thảo luận nhóm, tập trung ở cấp tỉnh; ii) phỏng vấn cấu trúc và bán cấu trúc các bên liên quan cấp tỉnh, huyện và xã.

2.2. Hội thảo tham vấn các bên liên quan

Nhóm nghiên cứu đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) trong vùng nghiên cứu tổ chức 07 cuộc họp tham vấn với sự tham gia của 144 cán bộ đại diện cho các Sở ban ngành liên quan ở cấp tỉnh. Trong các cuộc họp tham vấn các đại biểu được giới thiệu về bối cảnh hiện trạng quản lý rừng ngập mặn của địa phương do đại diện Sở NN&PTNT trình

bày. Các cán bộ tham dự hội thảo tham vấn sau đó thực hiện thảo luận theo 02 chủ đề chính gồm: i) xác định và đánh giá tầm ảnh hưởng/mức độ quan tâm của các bên liên quan đến quản lý và phát triển rừng ngập mặn tại địa phương; ii) ảnh hưởng, tác động của môi trường chính sách đối với công tác quản lý và phát triển rừng ngập mặn của địa phương. Kết quả thảo luận ở từng địa phương được tổng hợp để xác định các bên liên quan trong quản trị rừng ngập mặn của vùng đồng thời đánh giá mức độ quan tâm và tầm ảnh hưởng của các bên trong hoạt động quản trị RNM ở từng địa phương và toàn vùng nghiên cứu.

2.3. Phỏng vấn các bên liên quan

Tại mỗi tỉnh, nhóm nghiên cứu lựa chọn 01 huyện và 01 xã để tiến hành điều tra ngoài nghiệp và phỏng vấn cán bộ, người dân có liên quan. Có 144 cán bộ (tỉnh, huyện) và 116 người dân đã được nhóm nghiên cứu phỏng vấn thông qua bảng hỏi (02 loại bảng hỏi khác nhau được thiết kế riêng cho 02 nhóm cán bộ và người dân). Song song với đó 42 cán bộ (tỉnh, huyện, xã) cũng đã được nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc.

Đối với đối tượng phỏng vấn bảng hỏi là cán bộ, các nội dung phỏng vấn sẽ bao gồm:

- Thực thi chính sách liên quan đến quản lý/bảo vệ RNM
- Nhận thức về sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan khác trong quản lý/bảo vệ RNM

Đối với đối tượng phỏng vấn bảng hỏi là người dân, các nội dung phỏng vấn sẽ bao gồm:

- Nhận thức của cộng đồng về vai trò của RNM và hiện trạng quản lý/bảo vệ RNM
- Hiểu biết của cộng đồng về chính sách, thể chế liên quan đến RNM tại địa phương
- Hiểu biết của cộng đồng về sự tham gia trong quá trình lập kế hoạch

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

RNM thuộc vùng nghiên cứu chủ yếu là rừng phòng hộ (chiếm 94%), phần còn lại là rừng đặc

dụng. Diện tích RNM tại các địa phương nhỏ lẻ và không tập trung (dưới 3.000 ha), đó là nguyên nhân để hầu hết diện tích RNM không có ban quản lý (theo Quyết định 17/2015/QĐ-TTg ngày 09 tháng 06 năm 2015 về Quy chế quản lý rừng phòng hộ).

3.1. Các bên liên quan trong quản trị rừng ngập mặn

Có 03 nhóm các bên liên quan chính tham gia vào quản trị RNM Việt Nam.

- **Nhóm 1:** bao gồm các đối tượng thực hiện chức năng quản lý nhà nước (QLNN) về lâm nghiệp, bao gồm xây dựng chính sách, chiến lược, luật, ra quyết định cho thuê và thu hồi rừng và đất lâm nghiệp, và các đơn vị thực thi và giám sát thực thi pháp luật.

Chính phủ đã ban hành hoặc bổ sung một số điều luật và qui định nhằm kiểm soát việc quản lý và sử dụng rừng. Các bộ luật quan trọng bao gồm Luật Đất đai sửa đổi năm 2018 và luật Lâm nghiệp 2017. Cùng với bộ luật Dân sự, các luật này hình thành khung pháp lý cơ bản về quyền và nghĩa vụ của các chủ rừng ngập mặn.

Luật Lâm nghiệp (2017) quy định rõ hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng từ Trung ương đến địa phương:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi cả nước.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ NN&PTNT thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương theo thẩm quyền.

Như vậy, Bộ NN&PTNT và Bộ TNMT chịu trách nhiệm chính trong quản lý rừng ngập mặn;

đồng thời Ủy ban nhân dân, đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện và xã cũng có trách nhiệm quản lý đất và rừng ngập mặn tại địa phương.

- **Nhóm 2:** Nhóm hỗ trợ phát triển RNM: bao gồm các cơ quan, tổ chức trong và ngoài Nhà nước có liên quan đến RNM, gồm các tổ chức nghiên cứu, điều tra và đào tạo về RNM; các doanh nghiệp chế biến và khai thác lâm sản ngoài gỗ, nuôi trồng và chế biến hải sản; các đối tác hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp và các nhà tài trợ:

- *Hệ thống giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học:* Viện nghiên cứu, trường đại học: Hiện nay, trên cả nước có các tổ chức đào tạo lâm nghiệp trực thuộc Bộ NN&PTNT và thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Các doanh nghiệp khai thác và chế biến lâm sản và lâm sản ngoài gỗ, các doanh nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản*

- *Các đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp:* Bao gồm các đối tác hợp tác và hỗ trợ cho chiến lược phát triển lâm nghiệp.

- *Các nhà tài trợ phát triển rừng:* Các tổ chức phi chính phủ Quốc tế, trong nước, các doanh nghiệp, cá nhân;

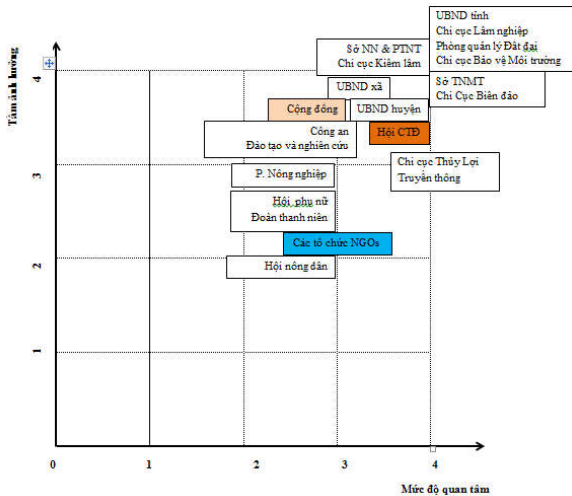
- **Nhóm 3:** bao gồm các đối tượng trực tiếp tham gia bảo vệ và sử dụng rừng hay còn gọi là các chủ rừng. Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình hoặc các cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất để trồng rừng, cho thuê đất để trồng rừng, và được công nhận quyền sử dụng rừng, công nhận quyền sở hữu rừng đối với rừng sản xuất. Trong vùng nghiên cứu, các đối tượng này bao gồm cộng đồng dân cư địa phương và các tổ chức quần chúng.

3.2. Mức độ quan tâm và tầm ảnh hưởng của các bên liên quan trong hoạt động quản trị RNM tại các địa phương vùng nghiên cứu

Kết quả khảo sát thực tế tại 7 tỉnh ven biển phía Bắc cho thấy

- Nhóm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước được đánh giá là có tầm ảnh hưởng cao và

nhóm này cũng được cho là quan tâm cao đến việc quản lý RNM ở các địa phương. Điều này phản ánh đúng chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị này trong quản lý và ra quyết định liên quan trực tiếp đến RNM;

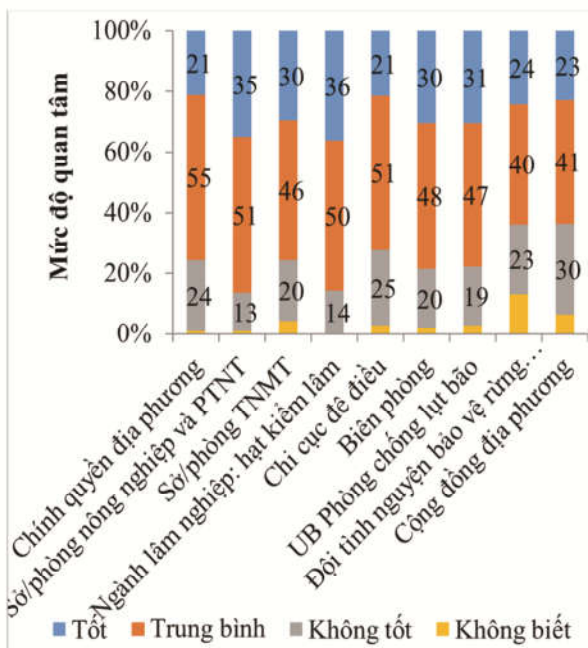


Hình 3. Tầm ảnh hưởng và mức độ quan tâm của các bên liên quan chủ chốt cấp cơ sở trong quản trị RNM

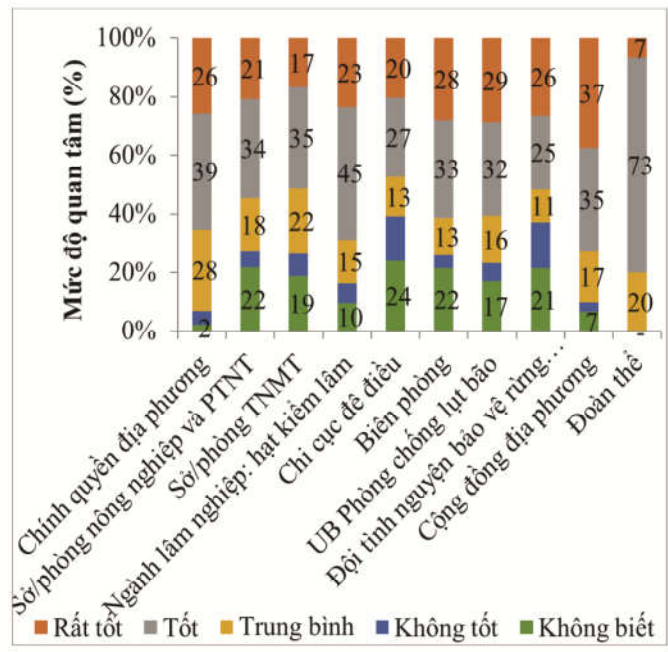
Ghi chú: 1. Không tham gia/quan tâm; 2. Thấp; 3. Trung bình; 4. Cao

- Nhóm hỗ trợ phát triển RNM ở các địa phương được đánh giá có mức độ quan tâm từ trung bình thấp đến cao. Nhóm được đánh giá có sự quan tâm lớn nhất là các đơn vị truyền thông tiếp sau là các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước. Mặc dù có sự quan tâm cao nhưng tầm ảnh hưởng của nhóm này là hạn chế ở mức trung bình và trung bình thấp. Các tổ chức phi chính phủ được cho là có tầm ảnh hưởng trung bình thấp.

Nhóm các đối tượng trực tiếp tham gia vào bảo vệ và sử dụng RNM được cho là có tầm ảnh hưởng cũng như mức độ quan tâm khá cao đến quản lý và phát triển RNM ở các địa phương. Hội Chữ thập đỏ các cấp được đánh giá có sự quan tâm cao đến việc phát triển RNM trong khi các tổ chức xã hội khác ở các địa phương chỉ ở mức trung bình thấp và mức độ ảnh hưởng của họ đến bảo vệ và phát triển RNM cũng chỉ ở mức thấp đến trung bình thấp. Cộng đồng dân cư tại các địa phương có tầm ảnh hưởng và mức độ quan tâm khá cao.



Hình 4. Đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan tới RNM của cán bộ quản lý



Hình 5. Đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan tới RNM của các hộ gia đình

Khảo sát các cán bộ quản lý tại địa phương thông qua các phiếu điều tra cũng cho kết quả khá tương đồng. Cụ thể là cộng đồng địa phương, các đơn vị quản lý thuộc ngành lâm nghiệp có mức độ quan tâm lớn hơn tới RNM sau đó là chính quyền địa phương và cuối cùng là các đơn vị khác như Chi cục đê điều (Hình 4).

Thực hiện khảo sát ở các hộ gia đình thông qua phiếu phỏng vấn cho thấy, người dân địa phương đánh giá cao mức độ quan tâm của các đoàn thể, cộng đồng (72- 80%) trong quản lý và phát triển RNM (Hình 5).

Kết quả khảo sát đã phần nào tương đồng với chức năng và nhiệm vụ quy định của các đơn vị trong các nhóm liên quan đến RNM. Như vậy, việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng bên đã góp phần thúc đẩy được sự tham gia của họ vào quản trị RNM tại các địa phương.

3.3. Các yếu tố thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan

Sự quan tâm của các bên liên quan trong bảo vệ, quản lý và phát triển RNM

- Sự vào cuộc ngày càng nhiều của các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước thông qua các bên liên quan khác nhau: Hội chữ thập đỏ, Ban quản lý rừng đặc dụng, cộng đồng... nâng cao nhận thức, năng lực và thúc đẩy sự tham gia và cam kết thực hiện của nhiều bên, đặc biệt nhóm ngoài cơ quan Nhà nước trong quản lý RNM.

- Thông qua truyền thông và thực tế trải nghiệm các vai trò cụ thể của RNM tại các địa phương, cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương và các bên liên quan có nhận thức đầy đủ và rõ ràng hơn về chức năng và giá trị của RNM, các bên liên quan dần có ý thức và trách nhiệm trong quản lý và bảo vệ RNM.

- Cộng đồng đã chính thức là một bên liên quan trong quản lý và bảo vệ rừng trong các văn bản pháp luật.

Vai trò, giá trị và vị trí phân bố của RNM

- RNM có vai trò và giá trị to lớn đối với cộng đồng và chính quyền địa phương nơi có RNM. Với những chức năng của mình, RNM mang lại các giá trị dịch vụ mang tính đa ngành, đa lĩnh vực (thủy sản, nông nghiệp, đê điều, môi trường...) sẽ là những thuận lợi để kêu gọi, khuyến khích các bên liên quan trong quản trị RNM.

- Phân bố vùng ven biển, đặc biệt là vùng ven biển miền Bắc Việt Nam, hàng năm thường xuyên hứng chịu nhiều trận bão đổ bộ từ biển, vai trò bảo vệ bờ biển và đê biển của rừng ngập mặn trồng nơi đây đã được khẳng định. Đây cũng là động lực cho thúc đẩy các bên tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

3.4. Các yếu tố cản trở sự tham gia

Cơ chế phối kết hợp giữa các đối tác hỗ trợ lâm nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp:

• Cơ chế và quy trình trong tiếp quản nhiệm vụ quản lý và bảo vệ RNM sau các chương trình trồng và phục hồi rừng chưa rõ ràng. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư hỗ trợ phát triển RNM ở Việt Nam nói chung và vùng ven biển miền Bắc nói riêng trong thời gian tới. Không những vậy, nó còn làm hạn chế sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý và bảo vệ diện tích RNM đã được phục hồi.

• Hoạt động nghiên cứu khoa học còn tản mạn, mức đầu tư thấp chưa xây dựng được các mô hình quản lý rừng bền vững, hoặc các hệ canh tác có năng suất ổn định

• Giáo dục môi trường, khuyến nông, khuyến ngư chưa được chú ý đúng mức, cần được quan tâm đầu tư nguồn lực.

Cơ sở dữ liệu và cơ chế chia sẻ thông tin:

• Hiện nay, cơ sở dữ liệu và cơ chế chia sẻ thông tin liên quan đến RNM đang là mảng trống cần được quan tâm để tạo điều kiện cho việc quản lý RNM đồng thời làm cơ sở cho các bên liên quan tham gia vào quản trị RNM. Một

số dữ liệu và thông tin cơ bản cần được xem xét như sau:

+ Quy hoạch cho từng loại rừng vùng đất ngập mặn (rừng đặc dụng, phòng hộ, diện tích bãi bồi cần trồng rừng...)

+ Hiện trạng RNM hiện có tại các địa phương (bản đồ phân bố, diện tích, thành phần loài cây, các thông tin chung về môi trường...)

+ Cơ sở dữ liệu các công cụ pháp luật liên quan đến RNM và các loại rừng

+ Cơ chế chia sẻ thông tin

Việc xây dựng, lưu trữ và chia sẻ cơ sở dữ liệu này không chỉ là cơ sở cho hoạt động quản lý RNM hiện có mà còn quan trọng cho việc đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý RNM nói chung và quản trị RNM nói riêng. Đây cũng là cơ sở giúp các đối tác tham gia quản trị RNM tác nghiệp được thuận lợi.

Năng lực của cán bộ thực hiện quản trị RNM:

• Ở 100% các xã mà dự án tham vấn trong điều tra này đều không có cán bộ chuyên trách về lâm nghiệp, 100% các huyện (không có rừng đặc dụng) không có cán bộ chuyên trách về RNM, chỉ có Quảng Ninh và Thái Bình có cán bộ cấp tỉnh có chuyên môn nghiệp vụ về RNM.

• Các cán bộ phụ trách về RNM lại không có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ phù hợp. Không chỉ với cấp xã, ở các cấp quản lý cao hơn, số lượng cán bộ chuyên trách có chuyên môn nghiệp vụ về RNM còn khá khiêm tốn. Riêng Thái Bình không có rừng nội địa nên cán bộ chỉ cục kiểm lâm chuyên nhiệm quản lý RNM, còn với các tỉnh khác chỉ có cán bộ phụ trách lâm nghiệp mà không có cán bộ phụ trách RNM cấp tỉnh.

• Trình độ chuyên môn và nghiệp vụ hạn chế và không đồng đều cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự tham gia của các bên trong quản trị RNM.

• => khó khăn và hạn chế trong nhiệm vụ điều tra, lập kế hoạch, quy hoạch, bảo vệ và phát triển RNM tại các địa phương;

• => làm hạn chế sự tham gia của các bên liên quan trong quản trị rừng bởi vai trò đầu mối của mình.

Các vấn đề khác

• RNM trong vùng có diện tích nhỏ lẻ và chất lượng không đồng đều, phân bố không tập trung, giá trị trực tiếp từ RNM nơi đây không cao nên chưa được sự quan tâm đúng mức của các bên liên quan, kể cả của ngành lâm nghiệp;

• Nhận thức và ý thức của cán bộ quản lý cũng như cộng đồng đã có những thay đổi tích cực trong thời gian qua, tuy nhiên, vẫn còn bộ phận chưa có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về RNM. Đặc biệt nhận thức về giá trị môi trường và các dịch vụ sinh thái của rừng ngập mặn còn hạn chế, RNM chưa được xem xét, đánh giá đúng mức khi xây dựng các chương trình phát triển ở địa phương => cần thực hiện hoạt động truyền thông sâu rộng thường xuyên;

• Kinh phí cho hoạt động bảo vệ RNM thấp, khoản kinh phí này không đáp ứng được nhu cầu chi phí tối thiểu của hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng vì vậy chưa thu hút và thúc đẩy được trách nhiệm và quyền hạn của các chủ rừng;

• Chưa có cơ chế theo dõi và đánh giá việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế xử lý sai phạm trong thực thi một cách rõ ràng, chính xác;

Tất cả những yếu tố trên đã góp phần làm hạn chế sự tham gia của các bên liên quan trong quản trị RNM.

4. KẾT LUẬN

Các bên liên quan trong quản trị RNM vùng nghiên cứu có thể chia thành 3 nhóm chính

(1) Nhóm 1: bao gồm các đối tượng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp, bao gồm xây dựng và thực thi chính sách, chiến lược, luật, ra quyết định cho thuê và thu hồi rừng và đất lâm nghiệp: được đánh giá là có tầm ảnh hưởng cao và nhóm này cũng được cho là quan tâm cao đến việc quản lý RNM ở các địa phương.

(2) Nhóm 2: Nhóm hỗ trợ phát triển RNM: bao gồm các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nhà nước có liên quan đến RNM, bao gồm các tổ chức nghiên cứu, điều tra và đào tạo về RNM; các doanh nghiệp chế biến và khai thác lâm sản ngoài gỗ, nuôi trồng và chế biến hải sản; các đối tác hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp và các nhà tài trợ: phương được đánh giá có mức độ quan tâm từ trung bình thấp đến cao. Nhóm được đánh giá có sự quan tâm lớn nhất là các đơn vị truyền thông tiếp sau là các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước. Mặc dù có sự quan tâm cao nhưng tầm ảnh hưởng của các đối tác này là hạn chế ở mức trung bình và trung bình thấp. Các tổ

chức phi chính phủ được cho là có tầm ảnh hưởng trung bình thấp.

(3) Nhóm 3: bao gồm các đối tượng trực tiếp tham gia bảo vệ và sử dụng rừng, gồm các tổ chức quần chúng ở các địa phương và cộng đồng: được cho là có tầm ảnh hưởng cũng như mức độ quan tâm khá cao đến quản lý và phát triển RNM ở các địa phương. Hội Chữ thập đỏ các cấp được đánh giá có sự quan tâm cao đến việc phát triển RNM trong khi các tổ chức xã hội khác ở các địa phương chỉ ở mức trung bình thấp và mức độ ảnh hưởng của họ đến bảo vệ và phát triển RNM cũng chỉ ở mức thấp đến trung bình thấp. Cộng đồng dân cư tại các địa phương có tầm ảnh hưởng và mức độ quan tâm khá cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tú, T. T., & Đồng, N. H. 2014. *Thành Phần Loài Và Biến Động Diện Tích Rừng Ngập Mặn Tỉnh Hà Tĩnh*. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. http://vafs.gov.vn/vn/wp-content/uploads/sites/2/2014/05/So-1_2014_bai-12-Tran-Thi-Tu.pdf
- Cuc, N., 2015. 'Mangrove forest restoration in northern Viet Nam.' In: Kumar, C., Saint-Laurent, C., Begeladze, S. and Calmon, M. (eds.). *Enhancing food security through forest landscape restoration: Lessons from Burkina Faso, Brazil, Guatemala, Viet Nam, Ghana, Ethiopia and Philippines*, pp. 106-121. Gland, Switzerland: IUCN.
- Cuc, Nguyen Thi Kim, Tomohiro Suzuki, Erik de Ruyter van Steveninck, Hoang Van Hai, 2015. *Modelling the impacts of mangrove vegetation structure on wave dissipation in Ben Tre Province, Viet Nam, under different climate change scenarios*. *Journal of Coastal Research*, Vol. 31, No. 2, 2015. 340-347.
- Dat, Tran Van, Cuc, N. T. K. and Diep, P. T., 2021. 'Governance of mangrove ecosystems in Northern Vietnam with consideration of impacts of sea level rise and climate change: A dynamic approach', in *Natural Resource Governance in Asia*. Elsevier, pp. 99–133. doi: 10.1016/B978-0-323-85729-1.00007-4.
- Davis, C., Williams, L., Lupberger, S., & Daviet, F. 2013. *Assessing Forest Governance: the governance of forests initiative indicator framework*. *World Resources Institute*. [Online] Available from: http://www.wri.org/sites/default/files/assessing_forest_governance.pdf
- FAO. 2011. *Framework For Assessing And Monitoring Forest Governance: Food And Agriculture Organization Of The United Nations*.

Abstract:
**STAKEHOLDER ENGAGEMENT IN MANGROVE GOVERNANCE:
CASE STUDY IN THE NORTH AND NORTH CENTRAL COASTAL VIETNAM**

Mangroves are known as an ecosystem with important environmental and economic roles. Implementing good mangrove governance is a necessary condition to ensure the conservation and promotion of these important ecosystem functions and services. Participation is at the core of resource management in general and mangroves in particular. Therefore, the objective of the study is to assess the status of stakeholder participation in mangrove governance. The results show that the group performing the state management function is assessed as having a high influence and this group is also said to be highly interested in the management of mangroves in the localities. The local mangrove development support group is assessed as having a low to high level of interest. The group directly involved in the protection and use of mangroves is said to have a high degree of influence and interest in mangrove management and development in the localities.

Keywords: Mangroves, governance, stakeholders, engagement, climate change.

Ngày nhận bài: 14/3/2023

Ngày chấp nhận đăng: 26/3/2023